

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BTNMT-TCCB

V/v hướng dẫn thi thăng hạng viên chức  
ngành tài nguyên và môi trường

*Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2019*

Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  
- Các tổng cục, các cục, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông  
Mê Công Việt Nam và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc  
Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ: số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư liên tịch ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ: số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính, số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường, số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn, số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn, số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường, số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện, hình thức, nội dung thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường; Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II năm 2019, cụ thể như sau:

## **1. Đối tượng dự thi**

Đối tượng dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường lên hạng III và hạng II là viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường, đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng (06.01; 06.02; 06.03; 06.04; 06.05; 06.06), đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành tài nguyên và môi trường, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với nhiệm vụ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng; cụ thể 06 chức danh nghề nghiệp để đăng ký dự thi thăng hạng như sau:

### ***1.1. Đối với thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hạng III***

- Địa chính viên hạng IV, mã số V.06.01.03 dự thi thăng hạng lên địa chính viên hạng III, mã số V.06.01.02;
- Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV, mã số V.06.02.06 dự thi thăng hạng lên điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III, mã số V.06.02.05;
- Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng IV, mã số V.06.03.09 dự thi thăng hạng lên dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III, mã số V.06.03.08;
- Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV, mã số V.06.04.12 dự thi thăng hạng lên kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III, mã số V.06.04.11;
- Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV, mã số V.06.05.15 dự thi thăng hạng lên quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III, mã số V.06.05.14;
- Đo đạc bản đồ viên hạng IV, mã số V.06.06.18 dự thi thăng hạng lên đo đạc bản đồ viên hạng III, mã số V.06.06.17.

### ***1.2. Đối với thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hạng II***

- Địa chính viên hạng III, mã số V.06.01.02 dự thi thăng hạng lên Địa chính viên hạng II, mã số V.06.01.01;
- Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III, mã số V.06.02.05 dự thi thăng hạng lên điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II, mã số V.06.02.04;
- Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III, mã số V.06.03.08 dự thi thăng hạng lên dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II, mã số V.06.03.07;
- Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III, mã số V.06.04.11 dự thi thăng hạng lên kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II, mã số V.06.04.10;
- Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III, mã số V.06.05.14 dự thi thăng hạng lên quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II, mã số V.06.05.13;
- Đo đạc bản đồ viên hạng III, mã số V.06.06.17 dự thi thăng hạng lên đo đạc bản đồ viên hạng II, mã số V.06.06.16.

## **2. Tiêu chuẩn, điều kiện; hình thức, nội dung thi**

Quy định về nguyên tắc; tiêu chuẩn, điều kiện; hình thức, nội dung thi; điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ và tin học trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BTNMT-BNV và tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của các chuyên ngành theo quy định tại các Thông tư liên tịch từ số 52 đến số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV; trong đó, tiêu chuẩn chung về trình độ đào tạo, bồi dưỡng như sau:

- Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo quy định.

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc theo quy định tại Khoản 2, Điều 23, Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiêu chuẩn cụ thể về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường như sau:

### ***2.1. Đối với thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hạng III***

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường hạng III theo quy định.

- Viên chức thăng hạng từ chức danh hạng IV lên chức danh hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh viên chức hạng IV như sau:

+ Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ cao đẳng trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh hạng IV tối thiểu đủ 02 năm theo quy định.

+ Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ trung cấp trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh hạng IV tối thiểu đủ 03 năm theo quy định.

### ***2.2. Đối với thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hạng II***

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường hạng II theo quy định.

- Tham gia ít nhất 01 đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì 01 đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

- Viên chức thăng hạng từ chức danh hạng III lên chức danh hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh đăng ký dự thi từ đủ 02 năm trở lên theo quy định.

### **3. Hồ sơ đăng ký dự thi**

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 12/2012/TT-BNV và hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng bằng bìa cứng không hút ẩm, có độ bền cao, kích cỡ 250mm x 340mm x 5mm, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng ... (*ghi theo đúng tên 01 trong 06 chức danh nghề nghiệp nêu tại Khoản 1.1 hoặc Khoản 1.2, Mục 1 (Đối tượng dự thi) của Công văn này*); họ, tên và số điện thoại, email của viên chức đăng ký dự thi; thống kê đầy đủ danh mục các tài liệu có trong hồ sơ và sắp xếp theo đúng thứ tự dưới đây:

3.1. Đơn đăng ký dự thi thăng hạng “Từ chức danh nghề nghiệp ...” (*ghi theo đúng tên 01 trong 06 chức danh nghề nghiệp nêu trên*) theo mẫu tại Phụ lục 01 gửi kèm theo;

3.2. Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan đang quản lý, lưu giữ hồ sơ của viên chức (*có mẫu tại Phụ lục 02 gửi kèm theo*);

3.3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý theo mẫu tại Phụ lục 03 gửi kèm;

3.4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực (*nêu tại Mục 2, Công văn này và các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ để xem xét miễn thi ngoại ngữ, tin học (nếu có); quyết định xếp lương, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp*); các văn bằng, chứng chỉ bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng, dịch thuật sang tiếng Việt.

3.5. Bản kê khai tham gia đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định (*kèm theo bản sao kết quả nghiệm thu, công nhận và các sản phẩm kèm theo có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền*).

3.6. Hai phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại của viên chức dự thi.

#### **4. Căn cứ và trách nhiệm cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 12/2012/TT-BNV; Khoản 2, Điều 2, Thông tư số 03/2019/TT-BNV và Điều 7, Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BTNMT-BNV.

##### **4.1. Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Các cơ quan, đơn vị tổng hợp, báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có theo từng chức danh, từng hạng; đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của từng chức danh, từng hạng (*theo mẫu tại Phụ lục 04 gửi kèm*) và danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo từng chức danh, từng hạng tính đến ngày 31/12/2019 (*theo mẫu tại Phụ lục 05 gửi kèm*) gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (*qua Vụ Tổ chức cán bộ*) **trước ngày 31/12/2019** để tổng hợp, xây dựng đề án thi thăng hạng viên chức năm 2019.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ tuyển và chịu trách nhiệm về danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được đơn vị đăng ký dự thi thăng hạng (*bao gồm cả điều kiện miễn thi môn tin học, ngoại ngữ*).

##### **4.2. Đối với các bộ, ngành, địa phương**

Các bộ, ngành, địa phương được giao tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định Khoản 14, Điều 2, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP chủ động xây dựng đề án, kế hoạch và tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, Khoản 3, Điều 2, Thông tư số 03/2019/TT-BNV và báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp.

Trường hợp bộ, ngành, địa phương có số lượng viên chức dự thi thăng hạng ít hoặc chưa có điều kiện tổ chức thi, đề nghị có văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ (*kèm theo danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo từng chức danh, từng hạng theo mẫu tại Phụ lục 05*) để phối hợp tổ chức thi cùng với kỳ thi của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc kỳ thi do các bộ, ngành, địa phương khác tổ chức theo quy định tại Điều 7, Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BTNMT-BNV.

#### **5. Trách nhiệm quản lý hồ sơ dự thi thăng hạng**

Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi; về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ thi thăng hạng và quản lý hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo đề các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị biết, thực hiện theo đúng quy định hiện hành; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường (*qua Vụ Tổ chức cán bộ - số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội*) để nghiên cứu, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng (đề b/c);
- Vụ CCVC, Bộ Nội vụ;
- Sở TN&MT và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB.NT168.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Phương Hoa**

---

Chi tiết xin liên hệ với bà Nguyễn Thị Thủy, Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ  
ĐTCCQ: (024)37956868 (số máy lẻ 1805)                      ĐTDĐ: 0906215902  
E-Mail: ntthuy\_tccb @monre.gov.vn